

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI
NĂM 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- + Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI**
- + Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural products and foodstuff joint stock company.
- + Tên viết tắt: APFCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 19/01/2018.
- Vốn điều lệ: 130.722.680.000,0 đồng (*Một trăm ba mươi tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 3822536; 33827308; 3822529
- Fax: (0255) 3822060
- Email: apfco@apfco.com.vn
- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn
- Mã cổ phiếu: APF

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 2004: đưa dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.

- Năm 2005: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đắk Tô – KonTum.
- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư sản xuất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.
- Năm 2008: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Tân Châu – Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.
- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào. Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.
- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn	1062 (chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột (sắn)	0113
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu	2599
6	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Xây dựng dân dụng	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620
11	Bán buôn thực phẩm	4632
12	Bán buôn đồ uống	4633
13	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Bán buôn tổng hợp	4690
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Cho thuê kho, bãi	5210
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); - Chế tạo thiết bị cơ khí; - Đầu tư kinh doanh thai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; - Cho thuê văn phòng làm việc; - Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; - Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas - Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm 	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

b. Địa bàn kinh doanh:

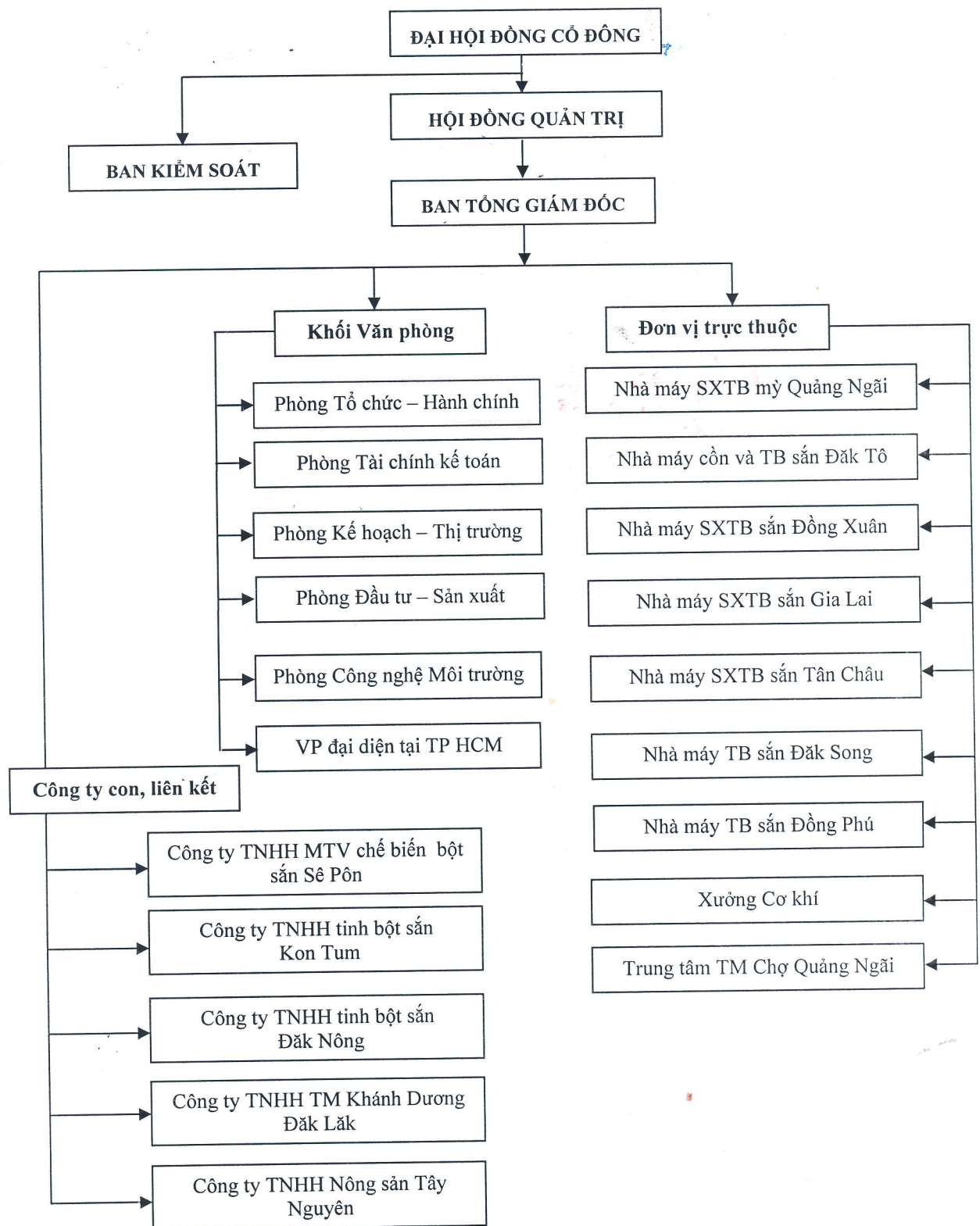
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Các nước Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Giá vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	75.221.705.049	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	30.767.747.097	51%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	25.500.000.000	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	Chế biến Tinh bột sắn	25.000.000.000	62,5%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	12.000.000.000	20%

4. Định hướng phát triển

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và còn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

* Thế giới: Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông.

* Trong nước:

- Chi phí: điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn kéo dài, nhất là các tỉnh miền Trung, ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thua mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

1.1 Đặc điểm tình hình chung:

- Tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến phức tạp;
- Giá mua năm 2016 thấp; cạnh tranh thu mua liệu rất gay gắt;
- Giá hàng nông sản (tinh bột sắn) giảm trong 9 tháng đầu năm, tăng trong các tháng cuối năm;
- Thời tiết thuận lợi cho cây mì phát triển;
- Vốn chủ sở hữu còn hạn chế làm cho chi phí tài chính cao.

1.2 Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Diễn giải	ĐVT	TH 2016	Năm 2017		So sánh (%)	
				KH	TH	TH2017 / TH2016	TH2017 / KH2017
1	Tổng doanh thu	Triệu đ	2.856.544	3.000.000	3.047.887	106,70	101,60
2	LNST C.ty mẹ	Triệu đ	73.775	75.000	67.456	91,43	89,94
3	Cổ tức	đ/CP	5.020	4.000	4.200	83,67	105,00
4	Thu nhập Ng/Th	1.000 đ	8.000	7.500	8.200	102,50	109,33

1.3 Đánh giá tổng quát:

a) Về nguyên liệu:

- Năm 2016 giá mua nguyên liệu sản tươi xuống thấp từ trước đến nay nên diện tích vùng nguyên liệu năm 2017 giảm đáng kể, người trồng mì cũng thiếu thâm canh chăm sóc, riêng diện tích vùng Kom Tum ổn định;

- Sản lượng nguyên liệu toàn công ty là: 1.243.000 tấn. Giá mua có xu hướng tăng dần từ đầu năm đến cuối năm, giá mua bình quân toàn Công ty đầu năm 1.450đ/kg cuối năm 2.200 đ/kg có 30% độ bột;

b) Về sản phẩm:

- Sản lượng tinh bột sản toàn Công ty là 342.500 tấn, gồm 307.000 tấn bột thường và 35.500 tấn bột biến tính, chỉ đạt 92,57% kế hoạch năm, (trong đó bột thường đạt 95,36%, bột biến tính đạt 73,82%), nhưng cao hơn cùng kỳ năm trước (bột thường đạt 102,45%, bột biến tính đạt 131,72%);

Nguyên nhân không đạt kế hoạch chủ yếu do vùng nguyên liệu giảm đáng kể (trừ Kon Tum);

- Sản lượng còn là 10.700m³, đạt 89,79% nhưng cao hơn năm trước (111,9%); do thị trường chưa tốt, nên chủ động hạn chế mua sản lát khô;

c) Về hiệu quả:

Lãi ròng không đạt KH (86,67%) và thấp năm trước (92,86%), chủ yếu do sự cạnh tranh về giá mua nguyên liệu và chi phí lãi vay cao.

d) Về xử lý môi trường:

Tiếp tục hoàn thiện và vận hành ổn định hệ thống xử nước thải theo công nghệ sục khí tách bùn ở các nhà máy, đảm bảo nước thải đạt chuẩn theo quy định.

e) Về lao động và quản lý:

Số lượng lao động đáp ứng yêu cầu thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty; So với lao động thực hiện năm 2016, năm 2017 lao động toàn Công ty giảm 4,5%, giảm tỷ lệ lao động quản lý, tăng lao động trực tiếp sản xuất.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại: Tính chuyên nghiệp chưa cao, nghỉ việc riêng nhiều; giờ giấc chưa đảm bảo...; Lao động kỹ thuật tại các Nhà máy ở Tây nguyên nghỉ nhiều, phần lớn xin chuyển về các nhà máy, khu công nghiệp gần nhà; Cơ cấu lao động chưa hợp lý, bố trí lao động chưa phù hợp với cơ cấu tổ chức ở một số đơn vị.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

• Ông: **Võ Văn Danh**

Ngày tháng năm sinh	:	20/10/1961
Địa chỉ thường trú	:	295 Phan Đình Phùng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN	:	211222371
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên lạc	:	0255 3822536
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay:	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	:	Sở hữu: 750. 316 CP, tỷ lệ: 5,74%

- **Ông: Ngô Văn Tươi**
 - Ngày tháng năm sinh : 06/8/1958
 - Địa chỉ thường trú : 67 Phạm Xuân Hòa, TP Quảng Ngãi
 - Số CMDN : 210025126
 - Dân tộc : Kinh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 334,111CP, tỷ lệ: 2,56%
- **Ông: Lê Tuấn Toàn**
 - Ngày tháng năm sinh : 16/02/1962
 - Địa chỉ thường trú : 99 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
 - Số CMDN : 210643799
 - Dân tộc : Kinh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 - Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 494,325CP, tỷ lệ: 3,78%
- **Ông: Trần Ngọc Hải**
 - Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
 - Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 - Số CMDN : 211925924
 - Dân tộc : Kinh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
 - Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 224.169CP, tỷ lệ: 1,71%
- **Ông: Đồng Văn Lập**
 - Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
 - Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP Quảng Ngãi.
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
 - Số CMDN : 211963747
 - Dân tộc : Kinh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 78.690 CP, tỷ lệ: 1,71%

- **Ông: Trần Đức Thạch**

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 212127348
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 135.760 CP, tỷ lệ: 1,04 %

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 27/03/2018).

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CB CNV tại thời điểm 31/12/2018: 546 người.

- Chính sách đối với người lao động:

- **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- **Chính sách đào tạo:**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- **Chính sách lương, thưởng:**

Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người. Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, định kỳ Công ty xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỷ luật để khen thưởng.

- **Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:**

Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.



3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.947.406.161.911	2.009.957.867.307	103,21
Doanh thu thuần	2.850.083.788.918	3.043.684.595.782	106,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.900.137.964	82.979.032.407	105,17
Lợi nhuận khác/	(10.239.178)	(502.399.013)	
Lợi nhuận trước thuế	78.889.898.786	82.476.633.394	104,55
Lợi nhuận sau thuế	78.886.647.559	82.476.633.394	104,55

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,80	0,79	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,45	0,41	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,78	0,73	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,58	2,73	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,72	5,91	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,46	1,51	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,03	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 27/3/2018 là: 13.072.268 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng là 6.674 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	1.552.159	11,87%
	Cổ đông nhỏ	11.520.109	88,13%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	79.211	0,61%
	Cổ đông cá nhân	12.993.057	99,39%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	13.072.268	100,00%
	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	13.072.268	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh; Giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2017 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 108.935.570.000 đồng lên 130.722.680.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu thực hiện đạt kế hoạch và cao hơn cùng kỳ năm trước (106,01%) chủ yếu do giá bán tính bột trong quý IV tương đối tốt;

- Lãi ròng không đạt kế hoạch (86,67%) và thấp hơn năm trước (92,86%) do giá bán thấp 9 tháng đầu năm, sự cạnh tranh về giá mua nguyên liệu;

- Về sản lượng tính bột sản toàn Công ty (kể cả bột biến và Công ty con) không đạt KH (92,57%, trong đó bột thường đạt 95,36%KH, bột biến tính đạt 73,82% KH), nhưng cao hơn cùng kỳ năm trước (bột thường đạt 102,45%, bột biến tính đạt 131,72%;

Lý do không đạt kế hoạch chủ yếu do vùng nguyên liệu giảm đáng kể (trừ Kon Tum);

- Về sản lượng còn không đạt KH (89,79%) nhưng cao hơn năm trước (111,9%) do thị trường chưa tốt, sản lát khô lại hạn chế;
- Các mặt hàng thương mại không đạt kế hoạch và thấp hơn cùng kỳ năm trước;
- Cơ khí chế tạo và sửa chữa đạt vượt kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ SS
I	Tài sản ngắn hạn	1.111.639.586.248	1.067.184.868.442	96.00%
1	Vốn bằng tiền	27.102.555.089	17.402.696.136	64.21%
2	Các khoản phải thu	517.128.856.557	353.162.854.735	68.29%
3	Hàng tồn kho	480.503.158.980	513.966.826.279	106.96%
4	Tài sản ngắn hạn khác	86.905.015.622	182.652.491.292	210.17%
II	Tài sản dài hạn	835.766.575.663	942.772.998.865	112.80%
1	Các khoản phải thu dài hạn	493.445.400	501.000.000	101.53%
2	Tài sản cố định	662.918.809.737	853.524.659.096	128.75%
3	Tài sản dở dang dài hạn	133.767.918.984	50.440.787.060	37.71%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	506.590.000	506.590.000	100.00%
5	Tài sản dài hạn khác	38.079.811.542	37.799.962.709	99.27%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.947.406.161.911	2.009.957.867.307	103.21%
I	Nợ phải trả	1.522.611.843.422	1.470.414.722.832	96.57%
1	Nợ ngắn hạn	1.395.097.882.746	1.353.803.165.966	97.04%
2	Nợ dài hạn	127.513.960.676	116.611.556.866	91.45%
II	Vốn chủ sở hữu	424.794.318.489	539.543.144.475	127.01%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	108.935.570.000	130.722.680.000	120.00%
2	Thặng dư vốn cổ phần	36.534.952.620	93.084.150.620	254.78%
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.644.725.787	3.394.044.797	206.36%
4	Quỹ đầu tư phát triển	181.062.444.669	186.462.591.825	102.98%
5	Lợi nhuận chưa phân phối	43.258.989.194	66.789.513.461	154.39%
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	53.357.636.219	59.090.163.773	110.74%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	1.947.406.161.911	2.009.957.867.307	103.21%

Qua tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2017, cho thấy tài sản Công ty thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, nguyên nhân là do Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải, sấy bã, dây chuyền SX bột Pregel tại Mang Yang và mua mới Nhà máy Tinh bột sắn Đồng Phú.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2017 thấp hơn 31/12/2016 chủ yếu là do giảm số dư nợ vay tại các ngân hàng thương mại và giảm số dư cổ tức phải trả cho cổ đông.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì nước thải đạt chuẩn, các đơn vị chưa được đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải không ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng, tiền phép... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Đời sống tinh thần cho người lao động: Đã tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho CBCNV-LĐ toàn Công ty.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, Mặc dù tình hình thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã gần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Các thành viên Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và nắm bắt thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành và duy trì bộ máy hoạt động hiệu quả. Đã có những chính sách kịp thời và hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Nguyên liệu

- Giao Giám đốc các đơn vị chủ động điều chỉnh giá mua nguyên liệu theo độ bột, theo từng vùng nhưng phải đảm bảo giá thành nguyên liệu do Tổng Giám đốc giao từng thời điểm;

- Chú trọng mua theo vùng; Liên kết việc mua nguyên liệu giữa các Nhà máy, Công ty con và Công ty liên kết;

- Hỗ trợ giống cho những vùng mở rộng diện tích trồng mới mà lân cận không có trồng mì; cấp giống mới cho những vùng có cây mì bị dịch bệnh;



- Phối hợp với các trung tâm khuyến nông duy trì công tác khuyến nông; Quan tâm cùng với địa phương thực hiện điển hình cánh đồng mẫu lớn và theo dõi, đánh giá tính hiệu quả báo về Công ty;

- Tăng cường công tác khuyến nông vùng nguyên liệu trong huyện Sepon, tổ chức tốt mạng đại lý mua nguyên liệu các địa bàn ngoài huyện Sepon, mua nguyên liệu ở vùng xa.

3.2 Chất lượng sản phẩm

Tuyệt đối tuân thủ và kiểm soát các chỉ tiêu chất lượng theo đúng mục tiêu chất lượng Công ty ban hành; giữ vững chất lượng như sáu tháng cuối năm 2017.

a) Tinh bột sẵn:

Tăng sự ổn định các chỉ tiêu chất lượng, đặc biệt là chỉ tiêu độ xơ, pH, độ trắng và độ màu dịch bột hồ hóa.

b) Tinh bột sẵn biến tính:

- Ổn định chất lượng, số lượng chủng loại trên nền tảng thiết bị, nhà xưởng hiện có; cụ thể:

+ Kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo sự ổn định; từng bước tăng, ổn định chất lượng ở mức cao hơn để đáp ứng thị trường, khách hàng có yêu cầu cao hơn nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tăng sự cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác;

+ Tiếp tục nghiên cứu nhiều giải pháp trong kiểm soát sản xuất để từng bước nâng chất lượng sản phẩm (độ trắng, độ màu dịch hồ hóa), đáp ứng yêu cầu của khách hàng;

+ Nghiên cứu, sản xuất thêm nhiều phân khúc sản phẩm sâu hơn trong các loại sản phẩm đã có để sử dụng trong nhiều mục đích khác nhau, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thị trường.

- Tinh bột sẵn biến tính vật lý: Tiếp tục nghiên cứu, xác định rõ hơn về yêu cầu chất lượng sản phẩm cho từng mục đích sử dụng; nghiên cứu để nâng cao và giữ ổn định chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng, từng bước cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của Thái Lan, Trung Quốc để tăng sản lượng sản phẩm;

c) Sản phẩm còn:

- Duy trì mức chất lượng như năm 2017, đảm bảo chuẩn còn thực phẩm, tiếp tục nghiên cứu sản xuất còn từ nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau (bã sẵn, mật rỉ...).

3.3 Thị trường

a) Tinh bột gốc:

- Tiếp tục ưu tiên phát triển thị trường nội địa, giữ vững thị trường Trung Quốc, khai thác thị trường Hàn Quốc;

- Sắp xếp lại hệ thống đại lý nhỏ trên địa bàn, dành số lượng thích đáng;

- Cân đối số lượng phù hợp, tương thích với tài chính thanh toán của từng khách hàng;

- Tiếp cận xây dựng hệ thống logistics; đảm bảo tính hiệu quả, thông suốt của khâu Lào - Việt;

b) Tinh bột biến tính:

- Ưu tiên mọi nguồn lực cho thị trường bột biến tính;
- Tiếp tục ưu tiên phát triển thị trường nội địa, Trung Quốc, Đài Loan; xúc tiến trực tiếp thị trường Nhật Bản, Hàn quốc.

3.4 Đầu tư XDCB

- Ưu tiên đầu tư đóng bao tự động, băng chuyền, xe nâng nhằm nâng cao tính công nghiệp, giảm biên chế, tăng năng suất lao động trong khâu đóng bao, xếp dỡ; Đầu tư bổ sung máy tách xác tận dụng cho đồng bộ dây chuyền sản xuất; Đầu tư một số thiết bị phân ly để ổn định chất lượng;
- Đảm bảo một cơ sở đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Đầu tư một số công trình thiết thực cho sản xuất và môi trường; Các Nhà máy chủ động nghiên cứu tái sử dụng nước;
- Thực hiện các thủ tục, trình tự đầu tư và tiến hành di dời Nhà máy Quảng Ngãi (cơ sở 1) theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3.5 Môi trường, PCCN và ATLĐ

- Duy trì tốt công tác xử lý nước thải, chất thải rắn, vệ sinh công nghiệp;
- Quan tâm chăm sóc, vận hành các Bể Cigas để phát sinh gas cao nhất nhằm giảm chi phí năng lượng.
- Tiếp tục tăng cường công tác PCCN, ATLĐ, không để xảy ra sự cố.

3.6 Vốn và quản lý vốn

- Mở rộng vốn chủ sở hữu bằng cách mở rộng vốn điều lệ và tích lũy vốn;
- Thực hiện nguyên tắc kinh phí đầu tư dài hạn từ nguồn vốn dài hạn (khấu hao, quỹ đầu tư phát triển) được cân đối hàng năm;
- Đề nghị các Công ty con hoàn chỉnh thủ tục để chủ động về tài chính tín dụng;
- Tăng cường vòng quay vốn, giảm công nợ bột thường để giảm chi phí tài chính.

3.7 Lao động và quản lý:

a) Lao động - tiền lương:

- Ổn định biên chế dài hạn, ưu tiên điều chuyển nội bộ các Nhà máy; giảm biên chế ngắn hạn bình quân 15%; Giảm triệt để lao động mùa vụ khi nghỉ vụ.
- Giảm biên chế gián tiếp, trung gian; hướng tới xóa cơ cấu tổ chức các phòng ban ở Nhà máy;
- Tăng tính chuyên nghiệp chủ yếu là lao động quản lý, chuyên viên và kỹ thuật viên;
- Ký hợp đồng lao động theo mức lương trong thang bảng lương, để làm cơ sở trả tiền lương và tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Bên cạnh mức lương trong hợp đồng lao động, người lao động còn được tính lương hiệu quả theo chức danh công việc và năng suất lao động.

b) Quản lý:

1643
TY
PHÂN
IGAI
QUANG

- Hoàn chỉnh quy chế phối hợp giữa Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên kết;
- Tăng cường sự phối hợp các Nhà máy, đơn vị với các phòng chức năng Công ty; giữa các đơn vị với đơn vị;
- Chú ý công tác đào tạo nội bộ;
- Tăng tăng suất kiểm tra ISO; Rà soát và ban hành các nội dung cần bảo mật thông tin;

V. Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán xem tại website: apfco.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Danh

